

Bảo hiểm du lịch **TripCARE**



BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI

1. Quyền Lợi Bảo Hiểm Dành Cho Vùng 1: **Nội Địa Việt Nam**
2. Quyền Lợi Bảo Hiểm Dành Cho Vùng 2: **Châu Á**
3. Quyền Lợi Bảo Hiểm Dành Cho Vùng 3: **Quốc Tế**



BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Bảng Tóm tắt Quyền lợi Bảo hiểm này chỉ áp dụng cho các hành khách mua vé máy bay của Hãng hàng không Vietnam Airlines và mua Bảo Hiểm Du Lịch TripCARE của Bảo hiểm PVI (sau đây gọi là “Người được bảo hiểm”, gọi tắt là “NĐBH”).

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM DÀNH CHO VÙNG 1: NỘI ĐỊA VIỆT NAM

TT	Quyền lợi	Mức quyền lợi	
		Vùng 1: Nội địa lãnh thổ Việt Nam	
		Một chiều	Khứ hồi
1.	Quyền lợi Tai nạn cá nhân		
1.1	Tai nạn cá nhân - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 75 tuổi - Đối với NĐBH trên 75 tuổi - Đối với NĐBH từ 7 ngày tuổi đến dưới 2 tuổi	Lên đến 1.000.000.000 VND Lên đến 500.000.000 VND Lên đến 100.000.000 VND	Lên đến 1.000.000.000 VND Lên đến 500.000.000 VND Lên đến 100.000.000 VND
2.	Hỗ trợ Y tế ở nước ngoài		
2.1	Bồi hoàn Chi phí y tế do Tai nạn và Bệnh tật/Ốm đau Bồi hoàn đối với các khoản chi phí y tế phát sinh khi Tai nạn và Bệnh tật/Ốm đau xảy ra trong khi du lịch trong suốt Chuyến đi - Đối với NĐBH từ 7 ngày tuổi đến 75 tuổi - Đối với NĐBH trên 75 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 150.000.000 VND Lên đến 75.000.000 VND
2.2	Bảo hiểm trợ cấp nằm viện (nằm viện nước ngoài do tai nạn hoặc bệnh tật)		
2.2.1	Bảo hiểm Di chuyển Y tế khẩn cấp - Đối với NĐBH từ 7 ngày tuổi đến 75 tuổi - Đối với NĐBH trên 75 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 100.000.000 VND Lên đến 50.000.000 VND
2.2.2	Hồi hương thi hài - Đối với NĐBH từ 7 ngày tuổi đến 75 tuổi - Đối với NĐBH trên 75 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 100.000.000 VND Lên đến 50.000.000 VND
2.3	Dịch vụ hỗ trợ y tế và du lịch toàn cầu 24 giờ	Không áp dụng	Đã bao gồm
3.	Quyền lợi bảo hiểm cho những trở ngại trong Chuyến đi Chỉ áp dụng đối với Người được bảo hiểm từ 2 tuổi trở lên, trừ Quyền lợi 3.5 được áp dụng cho Người được bảo hiểm từ 7 ngày tuổi.		
3.1	3.1.1. Hủy chuyến đi 3.1.2. Rút ngắn chuyến đi	Lên đến mức giá vé máy bay gốc Không áp dụng	Lên đến mức giá vé máy bay gốc
3.2	Hành lý và vật dụng cá nhân mang theo - Mất hoặc hư hại đối với hành lý, quần áo và các vật dụng cá nhân của Người được bảo hiểm	Lên đến 20.000.000 VND (Giới hạn 3.000.000 VND cho mỗi món đồ)	Lên đến 20.000.000 VND (Giới hạn 3.000.000 VND cho mỗi món đồ)
3.3	Trì hoãn chuyến bay Hãng Hàng không - Bồi thường cho mỗi 4 giờ chuyến bay bị hoãn so với lịch bay ban đầu	Lên đến 1.000.000 VND (Giới hạn 200.000 VND cho mỗi 4 giờ bị hoãn chuyến)	Lên đến 1.000.000 VND (Giới hạn 200.000 VND cho mỗi 4 giờ bị hoãn chuyến)
3.4	Hành lý bị chậm trễ Bồi thường cho mỗi 8 giờ khi hành lý bị chậm trễ so với lịch trình đến	Lên đến 1.600.000 VND (480.000 VND cho mỗi 8 giờ)	Lên đến 1.600.000 VND (480.000 VND cho mỗi 8 giờ)

3.5	Mất Giấy tờ Đi đường	Lên đến 5.000.000 VND	Lên đến 5.000.000 VND
3.6	Bảo hiểm trong trường hợp Không tắc Bồi thường cho mỗi 8 giờ khi máy bay bị không tắc	Lên đến 4.200.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ máy bay bị không tắc)	Lên đến 4.200.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ máy bay bị không tắc)
4.	Quyền lợi đặc biệt khác		
	Tự động gia hạn thời hạn bảo hiểm lên đến 10 ngày miễn phí	Không áp dụng	Có

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM DÀNH CHO VÙNG 2: CHÂU Á

TT	Quyền lợi	Mức quyền lợi	
		Vùng 2: Châu Á	
		Một chiều	Khứ hồi
1.	Quyền lợi Tai nạn cá nhân		
1.1	Tai nạn cá nhân - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 75 tuổi - Đối với NĐBH trên 75 tuổi - Đối với NĐBH từ 7 ngày tuổi đến dưới 2 tuổi	Lên đến 1.680.000.000 VND Lên đến 840.000.000 VND Lên đến 168.000.000 VND	Lên đến 1.680.000.000 VND Lên đến 840.000.000 VND Lên đến 168.000.000 VND
1.2	Bảo hiểm mở rộng cho phần Tai nạn cá nhân gây nên do: - Không tặc, giết người, tấn công và khủng bố - Ngộ độc khói, khí gas và ngạt nước - Mất tích	Có	Có
2.	Hỗ trợ Y tế ở nước ngoài		
2.1	Bồi hoàn Chi phí y tế do Tai nạn và Bệnh tật/ Ốm đau Bồi hoàn đối với các khoản chi phí y tế phát sinh khi Tai nạn và Bệnh tật/ Ốm đau xảy ra trong khi du lịch trong suốt chuyến đi - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 1.050.000.000 VND 0 VND
	Bao gồm Chi phí điều trị tiếp theo tại Việt Nam - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 105.000.000 VND 0 VND
2.2	Bảo hiểm trợ cấp nằm viện (nằm viện nước ngoài do tai nạn hoặc bệnh tật)	Không áp dụng	Lên đến 21.000.000 VND (1.050.000 VND cho mỗi 24 tiếng)
2.3	Trợ giúp Y tế khẩn cấp và Trợ giúp đi lại		
2.3.1	Bảo hiểm Di chuyển Y tế khẩn cấp - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 1.050.000.000 VND 0 VND
2.3.2	Hồi hương thi hài - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 1.050.000.000 VND 0 VND
2.3.3	Bảo hiểm thăm viếng người bệnh	Không áp dụng	Lên đến 63.000.000 VND
2.3.4	Đưa trẻ em về nước	Không áp dụng	Lên đến 63.000.000 VND
2.3.5	Dịch vụ Hỗ trợ y tế và du lịch toàn cầu 24 giờ	Không áp dụng	Đã bao gồm
3.	Quyền lợi bảo hiểm cho những trở ngại trong chuyến đi Chỉ áp dụng đối với NĐBH từ 2 tuổi trở lên, trừ Quyền lợi 3.6 được áp dụng cho NĐBH từ 7 ngày tuổi.		
3.1	3.1.1. Hủy chuyến đi 3.1.2. Rút ngắn chuyến đi	Lên đến 105.000.000 VND Không áp dụng	Lên đến 105.000.000 VND

3.2	Hành lý và vật dụng cá nhân mang theo - Mất hoặc hư hại đối với hành lý, quần áo và các vật dụng cá nhân của Người được bảo hiểm	Lên đến 20.000.000 VND (Giới hạn cho mỗi món đồ 3.000.000 VND)	Lên đến 20.000.000 VND (Giới hạn cho mỗi món đồ 3.000.000 VND)
3.3	Trì hoãn chuyến bay Hãng hàng không - Bồi thường cho mỗi 8 giờ chuyến bay bị hoãn so với lịch bay ban đầu	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ bị hoãn chuyến)	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ bị hoãn chuyến)
3.4	Lỡ Chuyến bay chuyển tiếp	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ bị hoãn chuyến)	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ)
3.5	Hành lý bị chậm trễ - Bồi thường cho mỗi 8 giờ khi hành lý bị chậm trễ so với lịch trình đến	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ bị hoãn chuyến)	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ)
3.6	Mất giấy tờ đi đường	Lên đến 5.000.000 VND	Lên đến 5.000.000 VND
3.7	Bảo hiểm trong trường hợp không tặc - Bồi thường cho mỗi 8 giờ khi máy bay bị không tặc	Lên đến 4.200.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ máy bay bị không tặc)	Lên đến 4.200.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ máy bay bị không tặc)
3.8	Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân (trách nhiệm pháp lý và chi phí pháp lý)	Không áp dụng	Lên đến 630.000.000 VND
4.	Quyền Lợi Đặc Biệt Khác		
	Tự động gia hạn thời hạn bảo hiểm lên đến 10 ngày miễn phí	Không áp dụng	Có

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM DÀNH CHO VÙNG 3: QUỐC TẾ (LOẠI TRỪ CUBA)

TT	Quyền lợi	Mức quyền lợi	
		Vùng 3: Châu Âu	
		Một chiều	Khứ hồi
1.	Quyền lợi Tai nạn cá nhân		
1.1	Tai nạn cá nhân - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 75 tuổi - Đối với NĐBH trên 75 tuổi - Đối với NĐBH từ 7 ngày tuổi đến dưới 2 tuổi	Lên đến 1.680.000.000 VND Lên đến 840.000.000 VND Lên đến 168.000.000 VND	Lên đến 1.680.000.000 VND Lên đến 840.000.000 VND Lên đến 168.000.000 VND
1.2	Bảo hiểm mở rộng cho phần Tai nạn cá nhân gây nên do: - Không tặc, giết người, tấn công và khủng bố - Ngộ độc khói, khí gas và ngạt nước - Mất tích	Có	Có
2.	Hỗ trợ Y tế ở nước ngoài		
2.1	Bồi hoàn Chi phí y tế do Tai nạn và Bệnh tật/ Ốm đau Bồi hoàn đối với các khoản chi phí y tế phát sinh khi Tai nạn và Bệnh tật/ Ốm đau xảy ra trong khi du lịch trong suốt chuyến đi - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 1.680.000.000 VND 0 VND
	Bao gồm Chi phí điều trị tiếp theo tại Việt Nam - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 105.000.000 VND 0 VND
2.2	Bảo hiểm trợ cấp nằm viện (nằm viện nước ngoài do tai nạn hoặc bệnh tật)	Không áp dụng	Lên đến 21.000.000 VND (1.050.000 VND cho mỗi 24 tiếng)
2.3	Trợ giúp Y tế khẩn cấp và Trợ giúp đi lại		
2.3.1	Bảo hiểm Di chuyển Y tế khẩn cấp - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 1.680.000.000 VND 0 VND
2.3.2	Hồi hương thi hài - Đối với NĐBH từ 2 tuổi đến 85 tuổi - Đối với NĐBH dưới 2 tuổi	Không áp dụng	Lên đến 1.680.000.000 VND 0 VND
2.3.3	Bảo hiểm thăm viếng người bệnh	Không áp dụng	Lên đến 63.000.000 VND
2.3.4	Đưa trẻ em về nước	Không áp dụng	Lên đến 63.000.000 VND
2.3.5	Dịch vụ Hỗ trợ y tế và du lịch toàn cầu 24 giờ	Không áp dụng	Đã bao gồm
3.	Quyền lợi bảo hiểm cho những trở ngại trong chuyến đi Chỉ áp dụng đối với NĐBH từ 2 tuổi trở lên, trừ Quyền lợi 3.6 được áp dụng cho NĐBH từ 7 ngày tuổi.		
3.1	3.1.1. Hủy chuyến đi 3.1.2. Rút ngắn chuyến đi	Lên đến 105.000.000 VND Không áp dụng	Lên đến 105.000.000 VND

3.2	Hành lý và vật dụng cá nhân mang theo - Mất hoặc hư hại đối với hành lý, quần áo và các vật dụng cá nhân của NĐBH	Lên đến 20.000.000 VND (Giới hạn cho mỗi món đồ 3.000.000 VND)	Lên đến 20.000.000 VND (Giới hạn cho mỗi món đồ 3.000.000 VND)
3.3	Trì hoãn chuyến bay Hãng hàng không - Bồi thường cho mỗi 8 giờ chuyến bay bị hoãn so với lịch bay ban đầu	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ bị hoãn chuyến)	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ bị hoãn chuyến)
3.4	Lỡ Chuyến bay chuyển tiếp	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ)	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ)
3.5	Hành lý bị chậm trễ - Bồi thường cho mỗi 8 giờ khi hành lý bị chậm trễ so với lịch trình đến	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ)	Lên đến 10.500.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ)
3.6	Mất giấy tờ đi đường	Lên đến 5.000.000 VND	Lên đến 5.000.000 VND
3.7	Bảo hiểm trong trường hợp không tặc - Bồi thường cho mỗi 8 giờ khi máy bay bị không tặc	Lên đến 4.200.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ máy bay bị không tặc)	Lên đến 4.200.000 VND (2.100.000 VND cho mỗi 8 giờ máy bay bị không tặc)
3.8	Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân (trách nhiệm pháp lý và chi phí pháp lý)	Không áp dụng	Lên đến 630.000.000 VND
4.	Quyền Lợi Đặc Biệt Khác		
	Tự động gia hạn thời hạn bảo hiểm lên đến 10 ngày miễn phí	Không áp dụng	Có

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

Tầng 24, PVI Tower, Số 1 Phạm Văn Bạch,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

1900 54 54 58

www.pvi.com.vn

Quét mã QR để
biết thêm thông tin

